

Thị trấn Gia Lộc, ngày 15 tháng 9 năm 2024

**CÔNG KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG TRƯỜNG MẦM NON**  
(THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03/06/2024)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1.1. Tên cơ sở giáo dục**

Trường Mầm non Hoa Hồng.

**1.2. Địa chỉ**

Địa chỉ (trụ sở chính): Số 28, Phố Trần Công Hiến, Thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại trường: 0220 3716 165; Di động: 0989 744 537.

Email: mamnonhoahong6@gmail.com

Website: <https://gl.mnhoahong.edu.vn>

**1.3. Loại hình cơ sở giáo dục:**

Trường mầm non công lập

**1.4. Sự mạng, tầm nhìn, mục tiêu**

**\* Sự mạng**

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn – Là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tính cách tự lập có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đặc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

**\* Tầm nhìn:**

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ giúp con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa phương, là lựa chọn đầu tiên cho các bậc phụ huynh có con trong độ tuổi mầm non.

**\* Mục tiêu**

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả.

### **1.5. Quá trình thành lập và phát triển**

Trường Mầm non Hoa Hồng được thành lập từ năm 1979 lấy tên trường Mầm non Liên Cơ (trong đó: 01 nhóm trẻ và 06 lớp mẫu giáo). Đến tháng 01 năm 2011 cùng với sự phát triển của địa phương trường sát nhập về Thị trấn Gia Lộc và nhà trường được mang tên là trường MN Hoa Hồng với 01 điểm trường duy nhất nằm tại khu Đô Thị, song đến năm 2014 điểm trường Phương Điểm của trường MN Thị trấn Gia Lộc chia tách, sát nhập về trường MN Hoa Hồng nay là trường MN Hoa Hồng, trung bình hàng năm nhà trường có từ 15 nhóm/lớp trở lên và tổng số trẻ đến trường là trên 400 cháu. Với bề dày 45 năm phấn đấu và phát triển trường MN Hoa Hồng không ngừng cải tiến các giải pháp để nâng cao chất lượng CS-GD trẻ toàn diện. Góp phần đưa nhà trường trở thành một trong những cơ sở CS-GD trẻ có chất lượng cao và đứng tốp đầu của bậc học MN huyện Gia Lộc.

Năm học 2023 - 2024 nhà trường được công nhận danh hiệu tập thể “Lao động tiên tiến”; xếp thứ 10/23 trường MN trong toàn huyện; 06 cô giáo đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 01 cô giáo được tặng “Giấy khen” và 02 cô giáo đạt “Giáo viên dạy giỏi” cấp huyện. Chi bộ và tổ chức Công đoàn được cấp trên đánh giá đạt HTTNV; chi Đoàn thanh niên xếp loại HTXS NV.

### **1.6. Thông tin đại diện pháp luật**

Họ và tên người đại diện bà: Đoàn Thị Thoa

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ (trụ sở chính): Số 28, Phố Trần Công Hiến, Thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại trường: 0220 3716 165; Di động: 0989 744 537.

### **1.7. Tổ chức bộ máy.**

- Quyết định số 4509 /QĐ\_UBND ngày 17 tháng 06 năm 2008 về việc đổi tên Trường mầm non bán công Hoa Hồng thành trường mầm non Hoa Hồng.

- Quyết định số 1976/QĐ - UBND ngày 06 tháng 09 năm 2023 quyết định về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường mầm non Hoa Hồng, nhiệm kỳ 2020 - 2024 Danh sách thành viên hội đồng trường.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
-----	-----------	---------	-----------

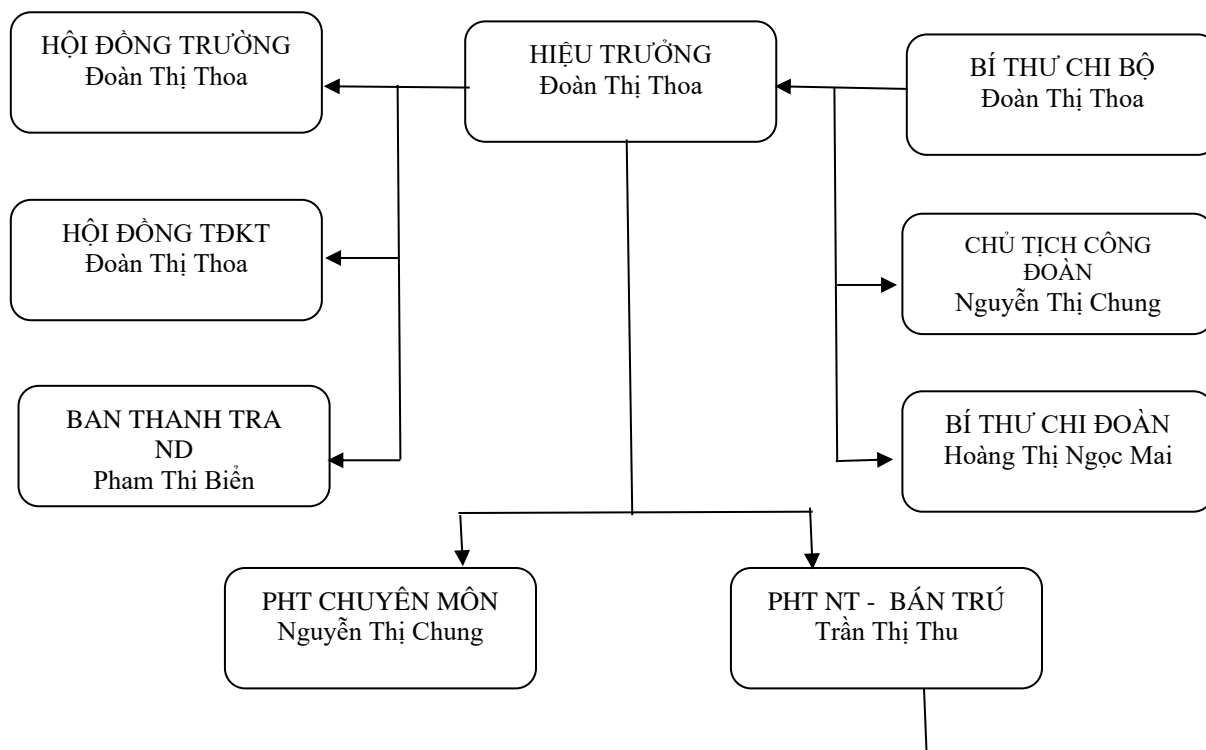
1	Đoàn Thị Thoa	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng
2	Bùi Thị Trọng	Phó hiệu trưởng	Thư kí hội đồng
3	Nguyễn Thị Chung	Phó hiệu trưởng	Thành viên
4	Nguyễn Thị Miến	Tổ trưởng chuyên môn tổ 4 tuổi	Thành viên
5	Hoàng Thị Ngọc Mai	Tổ trưởng chuyên môn tổ 5 tuổi	Thành viên
6	Hoàng Thị Ngân	Tổ trưởng chuyên môn tổ 3 tuổi	Thành viên
7	Đặng Thị Hương	Tổ trưởng chuyên môn tổ NT	Thành viên
8	Trần Thị Dịu	Tổ phó tổ nhà trẻ	Thành viên
9	Phạm Thị Biển	Trưởng ban thanh tra nhân dân	Thành viên
10	Bùi Đức Thập	Phó CT UBND Thị Trấn	Thành viên
11	Nguyễn Thị Cúc	Đại diện hội PHHS	Thành viên

- Quyết định số 380/QĐ - UBND ngày 08 tháng 03 năm 2024 quyết định về việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu Trưởng Trường mầm non Hoa Hồng. Bà Đoàn Thị Thoa

- Quyết định số 1745/QĐ - UBND ngày 01 tháng 08 năm 2023 quyết định về việc luân chuyển và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu Trưởng Trường mầm non Hoa Hồng. Bà Nguyễn Thị Chung

- Quyết định số 1745/QĐ - UBND ngày 01 tháng 08 năm 2023 quyết định về việc luân chuyển và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu Trưởng Trường mầm non Hoa Hồng. Bà Trần Thị Thu

### Sơ đồ bộ máy nhà trường



TỔ NHÀ TRẺ	TỔ 3 TUỔI	TỔ 4 TUỔI	TỔ 5 TUỔI	TỔ VĂN PHÒNG	CẤP DUỖNG	BẢO VỆ
- Đặng Thị Hương - TT - Đỗ Thị Quế - TP - Ng Thị Mến - Ng T Lan Hương - Dương Thị Mí - Hoàng Thị Ban	- Hoàng Thị Ngân - TT - Trần Thị Dịu - TP - Đặng Thị Phương - Hoàng T Thùy Linh - Nguyễn Thị Duyên - Bùi Thị Hà - Hoàng Thị Thoa	- Nguyễn Thị Miên - TT - Ng Thị Ngọc Lành - TP - Nguyễn Thị Diệp - Nguyễn Thị Lý - Bùi Thị Thoan - Trần Thị Hà - Vũ Minh Khuyên - Vũ Thị Thoáng - Bùi Thị Hồng - Vũ Thị Thanh Luân	- Hoàng Thị Ngọc Mai - TT - Phạm Thị Biền - TP - Ng Thị Minh Nguyệt - Trần Thị Nhung - Nguyễn Thị Hương - Đào Thị Bích Hạnh\ - Nguyễn Minh Phương - Bùi Thị Thùy Linh	- Bùi Thị Hồng Anh - TT - Trần Thị Loan - Đỗ Văn Vinh	- Trần Thị Ánh Ngọc - Đỗ Thị Hương - Nguyễn Thị Hòa - Nguyễn Thị Thúy	- Trần Thị Loan - Đỗ Văn Vinh

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 2.1. Số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	41			31	4	0			25	6				
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	31			27	4			0	24	4				
1	Nhà trẻ	6			6	0			0	5	1				
2	Mẫu giáo	25			21	4			0	18	3				

<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	3		3				0	1	2			
1	Hiệu trưởng	1		1						1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2					1	1			
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	7		1				0	0	0			
1	Nhân viên văn thư												
2	Nhân viên kế toán	1		1				0	0	0			
3	Thủ quỹ												
4	Nhân viên y tế	0											
5	Nhân viên khác	6				6							

## 2.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2023 -2024	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>		
	Số lượng	3	
	Tỷ lệ	100%	
<b>2</b>	<b>Giáo viên</b>		
	Số lượng	29	
	Tỷ lệ	100%	

## 2.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2023 -2024	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>		
	Số lượng	3	
	Tỷ lệ	100%	
<b>2</b>	<b>Giáo viên</b>		
	Số lượng	29	
	Tỷ lệ	100%	
<b>3</b>	<b>Nhân viên</b>		
	Số lượng		
	Tỷ lệ		

## III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

**Thông tin cơ sở vật chất, năm học 2024 - 2025**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Bình quân</b>
<b>I</b>	<b>Tổng số phòng</b>	18	Số m <sup>2</sup> /trẻ em
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	18	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	2	-
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>	5356	
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>		
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )	810	
2	Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )	180	
4	Diện tích hiên chơi (m <sup>2</sup> )	230	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m <sup>2</sup> )	54	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m <sup>2</sup> )	54	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )	130	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	15	15/15
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>	5	Số bộ/sân chơi (trường)
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)</b>	10	
<b>X</b>	<b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)</b>		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Tivi	15	1tivi/ lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	0	
3	Máy phô tô	0	
4	Catsset	0	
5	Đầu Video/đầu đĩa	0	
6	Máy in	4	

7	Bàn ghế đúng quy cách	187 bàn và 374 ghế	Nhà trẻ và mẫu giáo
---	-----------------------	-----------------------	---------------------

		Số lượng(m <sup>2</sup> )				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		18		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(\*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..	....		

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục  
Năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Kết quả	Ghi chú
I	Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá	- Tự đánh giá trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định cấp độ 3	
II	Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian, kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá	- Năm 2017 trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2017 – 2022  - Năm 2022 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo quyết (Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 08/04/2022) và kiểm định chất lượng cấp độ 3 giai đoạn 2022 – 2027 theo quyết (Quyết định số 244/QĐ-SGDĐT ngày 08/04/2022)	

	<b>ngoài trong 05 năm tiếp theo và hàng năm</b>	- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hàng năm: Nhà trường phấn đấu duy trì nâng cao các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng cấp độ 3	
--	---	--	--

## V. KẾT QUẢ VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

### 5.1. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ		Mẫu giáo		
			13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
<b>I</b>	<b>Tổng số trẻ em</b>	400	0	84	107	116	93
1	Số trẻ em nhóm ghép	0					
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0					
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	400	0	84	107	116	93
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0					
<b>II</b>	<b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>						
<b>III</b>	<b>Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>	400	0	84	107	116	93
<b>IV</b>	<b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b>	400	0	84	107	116	93
<b>V</b>	<b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>	400	0	84	107	116	93
1	Số trẻ cân nặng bình thường	393	0	84	106	111	92
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0	0
	Số trẻ có cân nặng cao hơn bình thường	7	0	0	1	5	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	399	0	84	106	116	93
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1	0	0	1	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	10	0	1	0	7	2
<b>VI</b>	<b>Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục</b>						
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	84	0	84	0	0	0
2	Chương trình giáo dục MG	316	0	0	107	116	93



<b>VII</b>	<b>Kết quả thực hiện PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi</b>	93					93
<b>1</b>	Tổng số trẻ 5 tuổi (trẻ)	93					
<b>2</b>	Tỷ lệ phổ cập trẻ 5 tuổi %	100%					
<b>VIII</b>	<b>Số trẻ em khuyết tật</b>	0					

## 2. Thông tin về kết quả tài chính năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
1	Tình hình tài chính (các khoản thu phân theo)		
	- Nguồn kinh phí		
	- Chi tiền lương và thu nhập	3.833.700.000	4.818.481.000
	- Chi cơ sở vật chất và các dịch vụ	1.101.918.000	664.906.000
	- Chi hỗ trợ người học	0	0
	- Chi khác	78.000.000	64.194.000
2	- Các khoản thu và mức thu đối với người học (Bao gồm học phí, lệ phí, và tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí nếu có trong năm học	2.151.282.000	2.521.800.000
3	- Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn giảm học phí	0	0
4	- Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù	0	0

## 5.2. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong Năm học 2024 – 2025.

### 1. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh.

- Tổng số: 15 nhóm, lớp (trong đó: 03 nhóm nhà trẻ; 12 lớp mẫu giáo);

Huy động:

+ Nhà trẻ huy động 67/180 cháu đạt 37,2%;

+ Mẫu giáo huy động 300/330 cháu đạt 90,9%;

+ Huy động 100/100 đạt 100% trẻ 5 tuổi ra lớp.

- Thời gian tuyển sinh trẻ năm học 2024 – 2025 bắt đầu từ ngày 22/08/2024

- Phương thức tuyển sinh: Trực tiếp hoặc nộp hồ sơ qua Gmail của nhà trường.

### 2. Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Tỷ lệ trẻ đến trường ăn bán trú đạt 100%; - Trẻ học 2 buổi /ngày đạt 100%

- Bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của tổ chức y tế Thế giới.

- Tỷ lệ trẻ có cân nặng, chiều cao bình thường đạt từ 98% trở lên.
- 2/2 bếp ăn đảm bảo an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm
- 100% phòng học phải sạch sẽ, thoáng mát, đủ ánh sáng, có đủ nước uống hợp vệ sinh, nhiệt độ phù hợp với trẻ theo mùa trong năm (đặc biệt là mùa Hè).
- 100% trẻ đến trường có đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân như: khăn mặt, cốc uống nước...đảm bảo an toàn và được sử dụng thường xuyên, riêng biệt.
- 15/15 nhóm, lớp thực hiện tốt chủ đề năm học “xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm”. Giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, phân loại rác thải để bảo vệ môi trường.
- Tiếp tục thực hiện mô hình điểm chuyên đề “nâng cao chất lượng bếp ăn bán trú” trong trường mầm non.

### **3. Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.**

- Năm 2024 nhà trường tiếp tục đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

#### **Nơi nhận:**

- BGH; các tổ CM, GV, NV,...trong trường;
- Đăng trên trang Website trường;
- Lưu: Hồ sơ của trường./.



**Đoàn Thị Thoa**

